

Số: 260/QĐ-SKHCN

Gia Lai, ngày 24 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Nghị định 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 5372/QĐ-SHTT ngày 10/11/2022 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận Chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở và Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ, các tổ chức, cá nhân có liên quan và các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- GD, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, VP, QLCN&SHTT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Nam Hải

Gia Lai, ngày 24 tháng 11 năm 2022

QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “GIA LAI” CHO SẢN PHẨM CÀ PHÊ CỦA TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 260/QĐ-SKHCCN ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai, cụ thể gồm:

- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và các đặc tính của sản phẩm;
- Phương pháp đánh giá các đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;
- Khu vực địa lý sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;
- Điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý;
- Hồ sơ và thủ tục đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý;
- Trình tự cấp, thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý;
- Sử dụng chỉ dẫn địa lý;
- Quản lý chỉ dẫn địa lý;
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;
- Quyền lợi và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Các vi phạm và xử lý vi phạm.

2. Những nội dung không nêu trong quy chế này thì áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và các chủ thể khác theo quy định của pháp luật (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến việc quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

Chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”: là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm cà phê có nguồn gốc xuất xứ từ một số khu vực địa lý của tỉnh Gia Lai và có danh tiếng,

chất lượng đặc thù do điều kiện tự nhiên và bí quyết sản xuất của người dân quyết định, được thể hiện tại văn bằng số 00125 ngày 10/11/2022 của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Các khu vực địa lý của tỉnh Gia Lai tương ứng với chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai” bao gồm: Thị trấn Nhơn Hòa và các xã Ia Hrú, Ia Rong, Ia Dreng, Ia Hla, Ia Blứ, Ia Le, Ia Phang thuộc huyện Chư Puh; thị trấn Chư Sê và các xã Bar Măih, Ia Tiêm, Chư Pong, Bờ Ngoong, Ia Glai, Al Bá, Dun, Kông Htok, Ia Hlốp, Ia Pal, Ia Blang, Ia Ko, H’Bông thuộc huyện Chư Sê; thị trấn Chư Prông và các xã Ia Băng, Bàu Cạn, Bình Giáo, Thăng Hưng, Ia Phìn, Ia Drang, Ia Băng, Ia Kly, Ia Tôr, Ia Me, Ia Púch, Ia Vê, Ia Pia, Ia Boòng, Ia O thuộc huyện Chư Prông; thị trấn Chư Ty và các xã Ia Dok, Ia Din, Ia Kla, Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Krêl, Ia Kriêng, Ia Lang thuộc huyện Đức Cơ; thị trấn Ia Kha và các xã Ia Khai, Ia Yok, Ia Bă, Ia Grăng, Ia Hrung, Ia Dêr, Ia Kráí, Ia O, Ia Péch, Ia Tô, Ia Chía, Ia Sao thuộc huyện Ia Grai; các phường Yên Thế, Đống Đa, Thống Nhất, Hoa Lư, Thăng Lợi, Phù Đồng, Ia Kring, Hội Phú, Trà Bá, Chi Lăng và các xã Tân Sơn, Biên Hồ, Trà Đa, Chư Á, An Phú, Diên Phú, Ia Kênh, Gào thuộc thành phố Pleiku; thị trấn Ia Ly, thị trấn Phú Hòa và các xã Ia Phí, Ia Khuol, Đăk Tơ Ver, Ia Kreng, Ia Mơ Nông, Hòa Phú, Ia Ka, Chư Đăng Ya, Ia Nhin, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hòa thuộc huyện Chư Păh; thị trấn Đak Đoa và các xã Hải Yang, Hà Bầu, Hneng, Nam Yang, K’Dang, Tân Bình, A Dơk, Glar, H’Nol, Ia Băng, Ia Pét, Trang, Đak Sơ mei, Đak Krong, Kon Gang thuộc huyện Đak Đoa; thị trấn Kon Dơng và các xã Ayun, Đak Jơ Ta, H’Ra, Đăk Djrăng, Đăk Yă, Đak Taley, Lơ Pang, Kon Thụp, Kon Chiêng, Đê Ar, Đăk Trôi thuộc huyện Mang Yang; thị trấn KBang, các xã Sơn Lang, Krong, Sơ Pai, Đak Smar, Lơ Ku, Nghĩa An, Đông, Đăk Rong, Kon Pne thuộc huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Bản đồ khu vực địa lý tương ứng kèm theo phụ lục 1 Quy chế này.

1. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”: Là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai, thực hiện chức năng quản lý chỉ dẫn địa lý theo ủy quyền tại Văn bản số 253/UBND-KGVX ngày 14/02/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc cho phép sử dụng địa danh đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”: Là văn bản do Sở Khoa học và Công nghệ cấp cho các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện sử dụng, trong đó xác nhận các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận, chủng loại, số lượng sản phẩm được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

3. Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”: là quyền được thực hiện các hành vi gắn (in, dán, đục, dập hoặc hình thức khác) chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai” lên bao bì đựng sản phẩm cà phê, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch trong hoạt động sản xuất, kinh doanh cà phê.

4. Logo chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”: Là hình ảnh, biểu tượng chung của chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”, được cơ quan nhà nước phê duyệt, dùng gắn lên sản phẩm cà phê đáp ứng được các điều kiện về chỉ dẫn địa lý.

5. Tổ kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”: Là tổ công tác được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai thành lập nhằm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ trong việc sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Điều 4. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

Chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê bao gồm những sản phẩm sau: cà phê nhân, cà phê hạt rang và cà phê bột. Các sản phẩm đảm bảo các tính chất chất lượng đặc thù như sau:

1. Cà phê nhân

a. Đặc thù hình thái cảm quan cà phê nhân Gia Lai

- Màu sắc: Màu xám lục; xám xanh; xanh ngọc.
- Mùi: Mùi thơm thoảng nhẹ, lưu hương lâu (giống mùi đậu phộng tươi).
- Vị: Ngậy, hơi béo, không đắng, ngọt có hậu.

b. Đặc thù lý, hoá tính cà phê nhân Gia Lai

TT	Chỉ tiêu	Khoảng giá trị
1	Chiều dài hạt (mm)	8,05 - 9,41
2	Chiều rộng hạt (mm)	5,77 - 6,62
3	Tỷ lệ hạt khuyết tật (%)	1,28 - 1,89
4	Độ ẩm (%)	5,57 - 11,94
5	Hàm lượng cafein (%)	1,98 - 2,60

2. Cà phê hạt rang

a. Đặc thù hình thái cảm quan cà phê hạt rang Gia Lai

- Màu sắc: Màu nâu tươi, bóng ướt.
- Mùi: Mùi thơm lừng, lan toả mạnh, lưu hương lâu.

b. Đặc thù lý, hoá tính cà phê hạt rang Gia Lai

TT	Chỉ tiêu	Khoảng giá trị
1	Chiều dài hạt (mm)	9,87 - 11,85
2	Chiều rộng hạt (mm)	6,84 - 7,82
3	Tỷ lệ hạt khuyết tật (%)	2,50 - 5,00
4	Độ ẩm (%)	0,95 - 2,10

5	Hàm lượng cafein (%)	2,00 - 2,56
6	Hàm lượng protein thô (%)	8,45 - 10,15

3. Cà phê bột

a. Đặc thù hình thái cảm quan cà phê bột Gia Lai

- Trạng thái: Bột mịn, tơi xốp.
- Màu sắc: Màu nâu đỏ.
- Màu nước chiết: Màu nâu cánh gián, sánh đậm.
- Mùi: Thơm lừng lan toả mạnh, lưu hương lâu.
- Vị: Vị đắng đậm đà đặc trưng, hơi chát, hậu vị ngọt lâu nơi cổ họng.

b. Đặc thù lý, hoá tính cà phê bột Gia Lai

TT	Chỉ tiêu	Khoảng giá trị
1	Độ ẩm (%)	0,87 - 2,23
2	Hàm lượng cafein (%)	2,02 - 2,57
3	Hàm lượng protein thô (%)	8,46 - 10,15

Điều 5. Điều kiện để sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

1. Là các sản phẩm cà phê đáp ứng được các yêu cầu về đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, quy định tại Điều 4 Quy chế này.
2. Sản phẩm được sản xuất, chế biến bởi các tổ chức, cá nhân đã được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.
3. Sản phẩm được sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản trong khu vực chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.
4. Đối với cà phê bột, cà phê hạt rang phải được chế biến từ cà phê nhân được bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.
5. Sản phẩm được kiểm soát theo quy định trong quá trình sản xuất và có khả năng truy xuất về nguồn gốc.

Chương II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT TRONG SẢN XUẤT,

CHẾ BIẾN, CÀ PHÊ MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “GIA LAI”

Điều 6. Yêu cầu về trồng, chăm sóc, thu hoạch cà phê

1. Giống: Giống Robusta (cà phê vối).
2. Quy định trồng, chăm sóc và thu hoạch cà phê

- Theo tiêu chuẩn ngành số 10 TCVN 478:2001 kèm theo Quyết định số 06/2002/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành ngày 09 tháng 01 năm 2002 (hoặc các văn bản thay thế, bổ sung tiêu chuẩn này) và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương.

3. Thu hoạch và bảo quản cà phê nguyên liệu

a. Kỹ thuật thu hoạch

Quả cà phê được thu hoạch bằng tay và được thực hiện làm nhiều đợt trong một vụ để thu hái kịp thời những quả chín trên cây. Không thu hái quả xanh non, không được tuốt cả cành, không làm gãy cành. Phải ngừng thu hái trước và sau khi nở hoa 3 đến 5 ngày.

b. Yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm thu hoạch

Sản phẩm thu hoạch có tỷ lệ quả chín (có màu đặc trưng của quả khi chín chiếm trên 2/3 diện tích quả) đạt từ 80 - 85% trở lên và tỷ lệ tạp chất không quá 1%. Vào đợt tận thu cuối vụ, tỷ lệ quả chín đạt trên 80%, tỷ lệ tạp chất không quá 1% và không được chiếm quá 10% tổng sản lượng của toàn vụ.

c. Bảo quản nguyên liệu

Cà phê quả sau khi thu hoạch phải được chuyên chở kịp thời về cơ sở chế biến, không được để quá 24 giờ. Phương tiện vận chuyên và bao bì đựng cà phê quả phải sạch, không nhiễm phân bón, hóa chất,... Trường hợp không vận chuyên hay chế biến kịp quả cà phê phải được đổ trên nền khô ráo, thoáng mát và không được đổ đống dày quá 40 cm.

Điều 7. Yêu cầu sơ chế, đóng gói và bảo quản cà phê Gia Lai

1. Cà phê nhân

Cà phê nhân được sơ chế bằng phương pháp chế biến khô và chế biến ướt:

a. Chế biến khô

Quả cà phê sau khi thu hoạch đem phơi nguyên quả trên sân gạch, bê tông hoặc phơi trên giàn cách mặt đất 80 cm (chú ý không được phơi trực tiếp xuống nền đất), với độ dày khoảng 5-10 cm dưới ánh nắng mặt trời, thời gian phơi khoảng 12 đến 15 ngày nắng đều. Đảo cà 4 lần/ngày, thử độ khô bằng cách cắn hạt thấy cứng (độ ẩm dưới 12%), cho hạt cà phê nhân vào bao để cà nghỉ 2-3 tháng cho cân bằng axit. Sau thời gian cho hạt cà phê nhân nghỉ thì đem tách lớp vỏ cứng bên ngoài và vỏ lụa cứng ra nhân. Đóng bao bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời.

b. Chế biến ướt

Thu hoạch quả cà phê chín đưa vào bồn rửa để loại bỏ tạp chất, những quả nổi lên thì loại ra, những quả còn lại đưa vào máy xát để tách vỏ cứng ra khỏi nhân cà phê (lúc này nhân cà phê vẫn phải giữ được lớp vỏ lụa cứng và lớp vỏ lụa mềm). Để nguyên nhót đưa lên sàn lác làm ráo nước, đưa lên giàn phơi dưới ánh nắng mặt trời, cách mặt đất > 80cm để tránh vi khuẩn có hại và hơi ẩm từ đất. Thời gian phơi phải đủ 12-15 ngày có nắng đều, độ ẩm < 12%. Đưa cà phê

nhân vào kho nghỉ 2 đến 3 tháng cho cân bằng axit. Sau đó đưa xát lớp vỏ lụa cứng, chú ý vẫn phải giữ lại lớp vỏ lụa mềm và phân sàng (14-16-18 mm), lọc bụi, loại bỏ tạp chất, kiểm tra độ ẩm < 12%. Đóng bao bì bằng bao gai hoặc hút chân không bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời.

2. Cà phê hạt rang

Được chế biến từ cà phê nhân sau khi đã sơ chế.

Việc lấy khoảng nhiệt độ khi rang tùy thuộc vào hình thái, kích thước và thể chất của hạt cà phê nhân. Tùy theo mục đích rang và phương pháp pha chế để có thể chọn cách gia giảm nhiệt độ. Rang xong xả ra khay khoảng 24 tiếng để nguội và giải phóng cacbonic, sau đó đưa cà phê vào xay hoặc đóng gói kín hoặc hút chân không theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Không để cà phê rang quá lâu bên ngoài không khí, làm giảm đến hương vị của cà phê.

3. Cà phê bột

Được chế biến từ cà phê hạt rang. Dùng máy xay chuyên dụng, xay với độ mịn vừa phải, có sự đồng nhất đều. Rải đều, để nguội khoảng 3 - 5 phút rồi đưa vào đóng gói bằng bao bì kín, hoặc hút chân không theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 8. Yêu cầu về việc ghi nhãn hàng hóa

1. Các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” thì được phép sử dụng logo của chỉ dẫn địa lý đồng thời với logo riêng của tổ chức, cá nhân.

2. Logo chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” được sử dụng như sau:

a) Logo chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” phải được đặt trên nhãn hàng hóa của sản phẩm, đặt trên mặt trước của nhãn và có kích thước không nhỏ hơn 2/3 kích thước logo riêng của tổ chức và cá nhân.

b) Sử dụng logo chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” theo đúng quy định về hình ảnh, Font chữ (hình dáng chữ), màu chữ và màu nền.

c) Được phép phóng to, thu nhỏ phù hợp với bao bì đóng gói nhưng không được thay đổi bố cục, màu sắc, tỷ lệ hoặc bất kỳ dấu hiệu nào trên logo được quy định (Phụ lục 2).

d) Sử dụng chữ “Cà phê Gia Lai” hoặc “Gia Lai Coffee” trên nhãn hàng hóa, phải được đặt ở vị trí trang trọng, dễ nhận biết và có kích thước phù hợp để người tiêu dùng có thể đọc được.

3. Tuân thủ các quy định về ghi nhãn hàng hóa theo các quy định.

Chương III

CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, GIA HẠN VÀ THU HỒI QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN “GIA LAI”

Điều 9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” (Giấy chứng nhận): Là văn bản do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai cấp cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và có hồ sơ đề nghị được sử dụng chỉ dẫn địa lý, có hoạt động sản xuất tuân thủ quy định tại Chương II và sản phẩm đáp ứng Điều 4 của Quy chế này.

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai cấp lần đầu có giá trị 05 năm tính từ ngày cấp. Giấy chứng nhận có thể gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 05 năm.

3. Mẫu giấy chứng nhận kèm theo Quyết định của cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” kèm theo quy chế này (*Phụ lục 03*).

Điều 10. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” khi có đủ các điều kiện sau:

1. Được thành lập hợp pháp theo quy định của Pháp luật (nếu là tổ chức).
2. Tự nguyện nộp đơn đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.
3. Có hoạt động tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cà phê “Gia Lai” được bảo hộ (cà phê nhân, cà phê hạt rang, cà phê bột) đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương II và đảm bảo chất lượng sản phẩm theo Điều 4 của Quy chế này.
4. Cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”.
5. Có đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

Điều 11. Những trường hợp không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

Tổ chức, cá nhân không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” khi không đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1. Tổ chức, cá nhân không đáp ứng một trong những nội dung được quy định tại Điều 11 của Quy chế này.
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật hoặc đang trong quá trình điều tra về hành vi vi phạm pháp luật.
3. Tổ chức, cá nhân đang trong quá trình bị các cơ quan giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm pháp luật, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các hành vi khác liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh cà phê.

Điều 12. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

1. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

a. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”, gồm:

- Tờ khai đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” (*mẫu phụ lục 4*).
- Bản kê khai hiện trạng sản xuất, chế biến và kinh doanh (*mẫu phụ lục 5*);
- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh cà phê; Bản sao chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất (hoặc giấy tờ có giá trị tương đương) đối với các cơ sở sơ chế, chế biến;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (nếu có). Mẫu nhãn hàng hóa của tổ chức, cá nhân (nếu có).

b. Yêu cầu về số lượng hồ sơ: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” nộp hồ sơ tại Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 98B Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

2. Trình tự nhận và thẩm định hồ sơ

a. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai” nộp 02 bộ hồ sơ đến Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai (nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện).

b. Sau 10 ngày làm việc, Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ tiến hành kiểm tra hình thức, thành phần của hồ sơ, thông báo cho tổ chức, cá nhân chấp nhận hồ sơ hợp lệ, hoặc hồ sơ không hợp lệ hoặc sửa đổi, bổ sung thành phần trong hồ sơ.

c. Trong vòng 30 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tiến hành đánh giá, thẩm định về điều kiện sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” đối với tổ chức, cá nhân nộp đơn. Tiến hành kiểm tra thực tế, làm việc với UBND huyện, thành phố có liên quan, để xác minh thông tin về tổ chức cá nhân, yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ nếu cần thiết.

3. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

a) Căn cứ vào kết quả thẩm định hồ sơ, Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ chịu trách nhiệm trình Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

b) Trong trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho các tổ chức, cá nhân biết.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung thông tin, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

1. Sửa đổi, bổ sung thông tin, cấp lại Giấy chứng nhận

Tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai tiến hành sửa đổi một số thông tin (tên, địa chỉ, nhãn hàng hóa, sản phẩm sử

dụng, diện tích, sản lượng... đăng ký sử dụng) và cấp lại (trường hợp bị mất, bị hư hỏng) Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

2. Hồ sơ xin sửa đổi, cấp lại giấy chứng nhận

a. Tờ khai đề nghị sửa đổi bổ sung thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” (*phụ lục 6*).

b. Bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng (trường hợp sửa đổi, cấp đổi hoặc cấp lại do Giấy chứng nhận bị hư hỏng).

c. Xác nhận của chính quyền địa phương (trường hợp bị mất xin cấp lại).

3. Thẩm định hồ sơ xin sửa đổi, bổ sung thông tin, cấp lại

- Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định hồ sơ xin sửa đổi, gia hạn, cấp lại của tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

- Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ đồng ý sửa đổi, bổ sung, cấp lại hoặc từ chối cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho tổ chức, cá nhân nộp đơn. Trường hợp từ chối, sửa đổi, cấp lại, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

1. Trong thời hạn trước 30 ngày khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý hết hiệu lực; tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” phải tiến hành nộp hồ sơ yêu cầu gia hạn đến cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý.

2. Hồ sơ xin gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý

a. Thành phần Hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” (*phụ lục 8*).

- Bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

- Giấy ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác đại diện.

b. Yêu cầu về số lượng Hồ sơ: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” nộp 01 bộ Hồ sơ về Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai. Địa chỉ: 98B Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

3. Thẩm định hồ sơ và đồng ý xin gia hạn quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

a. Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc tính từ khi nhận hồ sơ, cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý tiến hành xem xét Hồ sơ xin gia hạn giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý. Nếu đơn hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh

Gia Lai có quyết định gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

b. Nếu hồ sơ không hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản từ chối gia hạn và nêu rõ lý do cho chủ đơn biết. Trường hợp Hồ sơ bị từ chối gia hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn phải tiến hành khắc phục, hoàn thiện những lý do bị từ chối sau đó nộp lại hồ sơ theo trình tự từ đầu.

Điều 15. Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

- a. Không tuân thủ quy trình kỹ thuật theo quy định.
- b. Sản phẩm của tổ chức, cá nhân không đáp ứng điều kiện bảo hộ.
- c. Sử dụng các dấu hiệu chỉ dẫn địa lý (logo, dấu hiệu “Cà phê Gia Lai” hoặc “Gia Lai Coffee”) không đúng quy định.
- d. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận không tiến hành sử dụng chỉ dẫn địa lý liên tục từ 02 năm trở lên.
- e. Chuyển giao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân khác.
- f. Tổ chức có tư cách pháp nhân bị giải thể hoặc phá sản.
- g. Tổ chức, cá nhân tự nguyện chấm dứt việc sử dụng chỉ dẫn địa lý.
- h. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật, gây mất vệ sinh an toàn thực phẩm và các hành vi nghiêm trọng khác có liên quan.

2. Căn cứ để tiến hành việc thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý gồm:

- a. Văn bản đề nghị của cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý.
- b. Văn bản đề nghị của UBND các huyện/thành phố, các cơ quan quản lý chuyên ngành của tỉnh.
- c. Biên bản xác nhận việc vi phạm điều kiện sản xuất cà phê “Gia Lai” do cơ quan quản lý có thẩm quyền lập hoặc các chứng cứ do cơ quan giám sát cung cấp.

3. Thủ tục thu hồi, từ chối thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

a. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tài liệu: văn bản yêu cầu, khiếu nại, tố cáo, bằng chứng vi phạm... Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia lai sẽ tiến hành kiểm tra, xác minh tính xác thực của các tài liệu.

b. Căn cứ xác minh mức độ vi phạm tại Mục 1 điều này, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai sẽ tiến hành nhắc nhở (đối với trường hợp a, b, c), thu hồi Giấy chứng nhận (đối với trường hợp d, e, f, g, h). Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai có quyền đình chỉ trong trường hợp nhắc nhở lần 1

không được sửa chữa và tiến hành thu hồi khi nhắc nhở lần 2 không được tổ chức, cá nhân chấp hành.

c. Sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm tra, xác minh, cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý phải ra quyết định thu hồi hoặc từ chối việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

d. Quyết định thu hồi phải được thông báo bằng văn bản đến tổ chức, cá nhân bị thu hồi và các cơ quan liên quan. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi; tổ chức, cá nhân bị thu hồi phải nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.

e. Trong trường hợp từ chối việc thu hồi giấy chứng nhận thì Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối thu hồi cho các bên liên quan biết.

f. Trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố danh sách các tổ chức cá nhân bị thu hồi trên phương tiện thông tin đại chúng.

g. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý do vi phạm một trong các điểm tại Khoản 1 Điều này thì sau 2 (hai) năm kể từ ngày có quyết định thu hồi mới được xem xét cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; hồ sơ, trình tự thủ tục cấp lại được áp dụng như cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý lần đầu.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “GIA LAI”

Điều 16. Quy định chung về kiểm soát chỉ dẫn địa lý

1. Kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”: Là hệ thống các quy định, các bước quản lý, kiểm tra các hoạt động sản xuất, chế biến và sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn địa lý trong thương mại sản phẩm do cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý, các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý thực hiện nhằm đảm bảo các đặc tính bảo hộ của chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai.

2. Nội dung kiểm soát chỉ dẫn địa lý bao gồm:

a) Kiểm soát về nguồn gốc sản phẩm.

b) Kiểm soát sự tuân thủ các quy định về sản xuất, chế biến và sử dụng nhãn hàng hóa sản phẩm.

c) Kiểm soát chất lượng sản phẩm cuối cùng mang chỉ dẫn địa lý trong hoạt động thương mại và các nội dung khác có liên quan.

3. Hoạt động kiểm soát chỉ dẫn địa lý trong quy chế này là các quy định chuyên biệt theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, không bao gồm các hoạt động kiểm tra chuyên đề của các ngành, lĩnh vực liên quan như: an toàn thực phẩm, quản lý thị trường, hợp chuẩn, hợp quy...

4. Hoạt động kiểm soát phải dựa trên kế hoạch kiểm soát: cơ quan quản lý nhà nước về chỉ dẫn địa lý (Sở Khoa học và Công nghệ), các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý phải tuân thủ và thực hiện đầy đủ theo đúng kế hoạch kiểm soát đã được phê duyệt.

Điều 17. Hệ thống kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

Cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” được tổ chức thành ba cấp độ, cụ thể là:

1. Kiểm soát của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai

- Là hoạt động kiểm tra, giám sát của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai nhằm mục đích kiểm tra sự tuân thủ của các tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

- Hình thức kiểm soát thông qua Tổ kiểm soát, các quy định về hình thức hoạt động, điều kiện về thành viên tham gia được quy định cụ thể trong Quy định kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

2. Kiểm soát của tổ chức, cá nhân sử dụng: Là hoạt động tự kiểm soát, giám sát, theo dõi về hoạt động sử dụng chỉ dẫn địa lý của các cá nhân, tổ chức được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” theo Quy định kiểm soát chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” nhằm đảm bảo điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý bắt buộc phải tổ chức kiểm soát cơ sở, bao gồm những yêu cầu chính:

a) Tổ chức quản lý theo ô thửa, tiến hành ghi chép, theo dõi toàn bộ hoạt động trong sản xuất, chế biến và chất lượng sản phẩm cuối cùng.

b) Theo dõi việc sử dụng dấu hiệu sản phẩm trên nhãn hàng hóa theo đúng quy định.

c) Kiểm soát, đánh giá cảm quan, phân tích chất lượng sản phẩm khi phát hiện dấu hiệu nghi ngờ.

Điều 18. Quy định về nội dung của Kế hoạch kiểm soát chỉ dẫn địa lý

1. Yêu cầu về yếu tố kiểm soát chỉ dẫn địa lý

a) Yếu tố bắt buộc trong kế hoạch kiểm soát chỉ dẫn địa lý bao gồm các yêu cầu liên quan đến trồng, chăm sóc, thu hái nguyên liệu, quy trình và kỹ thuật chế biến, chất lượng sản phẩm và sử dụng tem, nhãn hàng hóa.

b) Kế hoạch kiểm soát phải chi tiết về phân cấp kiểm soát, ai kiểm soát yếu tố nào và tần suất kiểm soát ở mỗi mức độ kiểm soát.

2. Công cụ sử dụng trong kiểm soát chỉ dẫn địa lý

a) Công cụ kiểm soát về quy trình kỹ thuật:

- Sổ nhật ký sản xuất, chế biến chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”: Là sổ ghi chép tất cả các nội dung hoạt động của tổ chức, cá nhân trong quá trình từ chăm sóc, thu hái, chế biến, đóng gói và sản phẩm ra thị trường.

- Sổ nhật ký sẽ do tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý ghi chép và theo dõi theo từng lô sản xuất, cũng là tài liệu để cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý tiến hành kiểm tra và đánh giá. Nội dung sổ nhật ký sản xuất sẽ được quy định trong Kế hoạch kiểm soát. Tổ chức, cá nhân có thể lồng ghép sổ nhật ký vào các hồ sơ theo dõi quy trình sản xuất, chế biến có sẵn như: hồ sơ theo dõi VietGap, 4C, UTZ...

b) Công cụ kiểm soát về chất lượng

- Kiểm soát các chỉ tiêu lý, hóa: Là phiếu kết quả phân tích chỉ tiêu lý, hóa của sản phẩm tại các cơ quan được nhà nước cấp giấy phép hoặc các cơ sở phân tích được cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý chỉ định.

- Kiểm soát màu sắc, mùi, vị: Là chuyên gia đánh giá chất lượng, được cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý mời để đánh giá chất lượng sản phẩm khi cần thiết. Yêu cầu về tiêu chuẩn chuyên gia, nguyên tắc tổ chức và hình thức đánh giá sẽ được quy định cụ thể trong Kế hoạch kiểm soát.

c) Công cụ để kiểm soát và truy suất nguồn gốc

- Hồ sơ theo dõi sản xuất, hợp đồng thu mua cà phê của các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong kiểm soát chỉ dẫn địa lý.

a) Hoạt động kiểm soát về quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến, chất lượng cảm quan, sử dụng mã số sản phẩm, nhãn hàng hóa được thực hiện thông qua hình thức nhật ký ghi chép và quan sát thực tế.

b) Trong trường hợp cần thiết, khi có dấu hiệu vi phạm, khiếu nại thì hoạt động kiểm tra, đánh giá các yếu tố về chất lượng sẽ dùng phương pháp đánh giá chuyên gia (đối với chỉ tiêu chất lượng cảm quan), phân tích chỉ tiêu lý hóa (đối với chỉ tiêu chất lượng lý, hóa).

Chương V

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “GIA LAI”

Điều 19. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý

a) Sở Khoa học và Công nghệ là tổ chức thống nhất quản lý chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai. Các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý theo đúng các quy định tại Quy chế này.

b) Nguyên tắc quản lý chỉ dẫn địa lý là phát huy, khuyến khích tối đa tính chủ động, độc lập và tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm cà phê “Gia Lai”.

c) Quản lý chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” được quy định dựa trên những điều kiện thực tế về sản xuất, chế biến và kinh doanh của các tổ chức, cá nhân và yêu cầu trong quản lý sản xuất, chế biến, kinh doanh và chất lượng sản phẩm, đồng thời đảm bảo các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai

1. Trách nhiệm

a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để xây dựng, sửa đổi các quy định quản lý chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”.

b. Chủ trì tổ chức quản lý về cấp, gia hạn, sửa đổi và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”.

c. Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ, các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”.

d. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có đủ trình độ, năng lực tham gia công tác quản lý chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”.

đ. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các tổ chức cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm cà phê “Gia Lai” trên địa bàn thực hiện các quy định quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

e. Thường xuyên cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai, quản lý và tổ chức cung cấp thông tin về chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” nhằm minh bạch hóa thông tin và đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng, uy tín của chỉ dẫn địa lý.

f. Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Công thương tỉnh Gia Lai, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai, các cơ quan, tổ chức liên quan để tổ chức các hoạt động quảng bá, giới thiệu về chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

2. Quyền hạn

a. Đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” đối với sản phẩm cà phê.

b. Lập hồ sơ xin sửa đổi, bổ sung văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

c. Xây dựng và ban hành các quy định về quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” theo quy định của pháp luật.

d. Kiểm tra, thanh tra việc sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” đối với các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

đ. Xử lý các hành vi vi phạm các quy định về sử dụng chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật.

e. Khiếu nại, bảo vệ sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” không bị lạm dụng và sử dụng trái phép trên thị trường.

Điều 21. Phối hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan khác

1. Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai, Sở Công thương tỉnh Gia Lai và các cơ quan đơn vị có liên quan, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của mình phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai trong việc quản lý khu vực sản xuất, quy trình sản xuất, tiêu

chuẩn chất lượng, tiêu thụ sản phẩm, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý theo quy định tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 15/09/2015 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy chế phối hợp trong hoạt động quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai và chức năng nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị. Đồng thời, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm cà phê “Gia Lai” có hiệu quả.

2. Các tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng được quyền giám sát và phản ánh kịp thời cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các trường hợp khiếu nại hoặc vi phạm về nhãn hiệu hàng hóa, chất lượng sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

1. Quyền của tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý

a) Tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý hoàn toàn bình đẳng về quyền lợi cũng như nghĩa vụ liên quan đến chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

b) Gắn chỉ dẫn địa lý trên bao bì sản phẩm, các phương tiện sản xuất, quảng cáo và bán hàng.

c) Khai thác, sử dụng và thụ hưởng các lợi ích phát sinh từ chỉ dẫn địa lý.

d) Yêu cầu các tổ chức, cá nhân vi phạm chấm dứt các hành vi vi phạm đến chỉ dẫn địa lý được nhà nước bảo hộ.

đ) Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp khi chỉ dẫn địa lý bị vi phạm.

d) Được tham gia các chương trình quảng bá, phát triển chỉ dẫn địa lý trên các phương tiện truyền thông.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về sử dụng chỉ dẫn địa lý

a) Phải sử dụng đúng và chính xác về chỉ dẫn địa lý. Chỉ sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các loại sản phẩm cà phê đáp ứng quy định nêu tại Điều 4, Điều 5 Chương I của Quy chế này và các quy định liên quan.

b) Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng, hình thức sử dụng có hoặc không có chỉ dẫn địa lý làm sai lệch nhận thức hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của chỉ dẫn địa lý. Mọi hình thức đưa thông tin sai lệch về chỉ dẫn địa lý hoặc lạm dụng chỉ dẫn địa lý gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý không còn nhu cầu sử dụng chỉ dẫn địa lý có trách nhiệm thông báo đến cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý để làm các thủ tục thu hồi giấy sử dụng chỉ dẫn địa lý.

d) Thực hiện đầy đủ các quy định nghĩa vụ của Quy chế này và các quy định khác có liên quan nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi hoặc bao che cho những hành vi vi phạm, xâm phạm quyền chỉ dẫn địa lý thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý; xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý, sản xuất kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ để bán sản phẩm cà phê giả mạo mang chỉ dẫn địa lý gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc làm ảnh hưởng đến danh tiếng, chất lượng sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý sẽ bị xử lý theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Căn cứ và tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai sẽ đưa ra các hình thức xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý cụ thể theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có tranh chấp hoặc phát hiện có hành vi vi phạm các tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại lên Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

2. Các khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc sử dụng chỉ dẫn địa lý phải được xem xét, giải quyết trên cơ sở Quy chế này và pháp luật hiện hành của nhà nước.

3. Trường hợp vụ việc phức tạp, nội dung vượt quá thẩm quyền giải quyết, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai sẽ có văn bản đề nghị hoặc văn bản chuyển vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

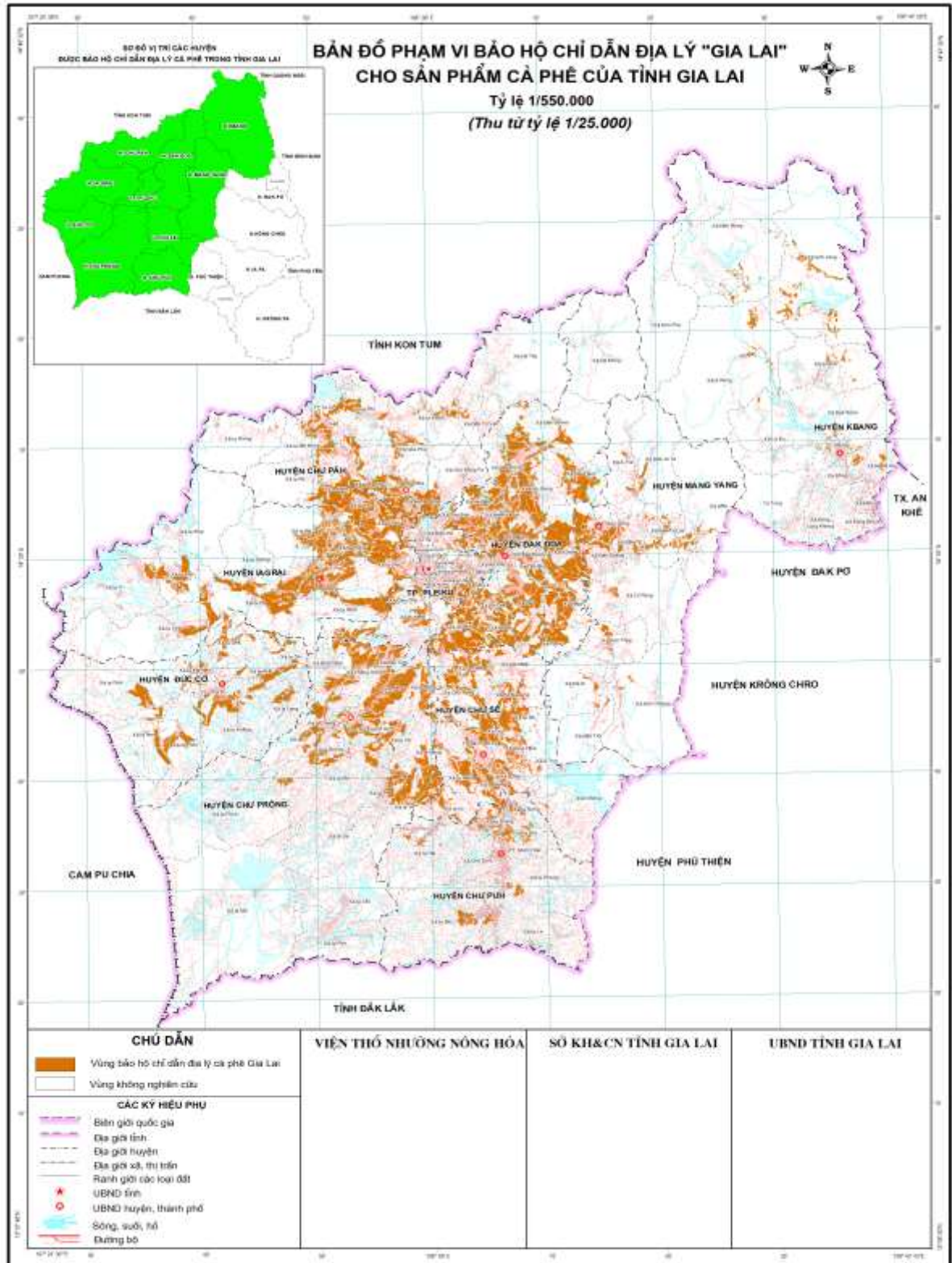
1. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan theo dõi quá trình thực hiện Quy chế này và các quy định có liên quan khác.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Sở, ngành, UBND các cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai để tổng hợp xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn./.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Nam Hải

Phụ lục 1. Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”



Phụ lục 2. Logo chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”

Logo chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai” phải được sử dụng in ấn theo đúng quy định sau:

1. Các dạng thức thể hiện
2. Cấu trúc và tỷ lệ đồ họa
3. Khoảng cách an toàn
4. Cách sử dụng Logo
5. Logo trên nền màu nhận diện
6. Các trường hợp không được sử dụng
7. Logo trên nền các chất liệu sử dụng
8. Màu sắc đặc trưng
9. Phong chữ đặc trưng
10. Dấu hiệu nhận biết

Phụ lục 3. Mẫu Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “GIA LAI” CHO SẢN
PHẨM CÀ PHÊ CỦA TỈNH GIA LAI

Số:/GCN



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH GIA LAI
CHỨNG NHẬN

Tên tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Được quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” dùng cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai.

GCN có giá trị đến ngày/...../20.....

Theo Quyết định số: /QĐ-SKHCN

Gia Lai, ngày..... tháng..... năm 20.....

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Phụ lục 4. Mẫu đơn xin cấp quyền sử dụng CDDL “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

“Gia Lai”, ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN XIN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG
CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “GIA LAI” CHO SẢN PHẨM CÀ PHÊ

Kính gửi: - Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai.
- Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ.

Tên tổ chức, cá nhân:

Họ và tên người đại diện (nếu là tổ chức):.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax :.....

- Để sản phẩm cà phê của tôi/chúng tôi sản xuất, kinh doanh được sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”, được gắn tem, nhãn mang chỉ dẫn địa lý phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh, lưu thông trên thị trường trong và ngoài nước đảm bảo các yêu cầu về nguồn gốc xuất xứ và chất lượng sản phẩm; Tôi/chúng tôi kính đề nghị Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai, Phòng Quản lý Công nghệ và Sở hữu trí tuệ xem xét, cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” dùng cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai cho tôi/chúng tôi.

Tài liệu kèm theo

- Bản kê khai hiện trạng diện tích sản xuất sản phẩm cà phê có xác nhận của chính quyền địa phương (nếu là cá nhân).
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sản phẩm cà phê hoặc giấy chứng nhận thành lập (nếu là tổ chức).
- Tờ khai đề nghị cấp quyền sử dụng CDDL “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai
- Bản sao Giấy chứng nhận công bố tiêu chuẩn sản phẩm (nếu có)
- Bản sao Giấy chứng đăng ký mã số, mã vạch (nếu có)

Tôi/chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các Quy chế hiện hành của cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai.

Tôi/chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Đại diện tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục 5. Tờ khai đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý Gia Lai

<p style="text-align: center;">TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ “GIA LAI”</p> <p>Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai</p> <p>Tổ chức, cá nhân dưới đây yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai xem xét đơn và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”</p>	<p style="text-align: center;">DẤU NHẬN HỒ SƠ <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i></p> <p style="text-align: center;">Cán bộ nhận hồ sơ <i>(ký và ghi rõ họ tên)</i></p>
<p>① ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Giấy chứng nhận)</p> <p>Tên đầy đủ:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại:..... Fax:..... Email:</p>	
<p>② NỘI DUNG YÊU CẦU</p> <p><input type="checkbox"/> Cấp giấy chứng nhận mới</p> <p><input type="checkbox"/> Sửa đổi giấy chứng nhận</p> <p><input type="checkbox"/> Gia hạn giấy chứng nhận</p> <p><input type="checkbox"/> Cấp lại giấy chứng nhận</p>	
<p style="text-align: center;">③ PHẦN MÔ TẢ NỘI DUNG YÊU CẦU SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ</p> <p style="text-align: center;">1. Sản phẩm đăng ký sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”</p> <p><input type="checkbox"/> Cà phê nhân; Sản lượng đảm bảo đăng ký: tấn</p> <p><input type="checkbox"/> Cà phê hạt rang nguyên hạt, Sản lượng đảm bảo đăng ký: tấn</p> <p><input type="checkbox"/> Cà phê bột Sản lượng đảm bảo đăng ký: tấn</p> <p>2. Mô tả sản phẩm đăng ký sử dụng: <i>(đối chiếu sản phẩm của tổ chức, cá nhân với tiêu chí sản phẩm quy định tại điều 4 Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”):</i></p> <p>2.1. Cà phê nhân</p> <ul style="list-style-type: none">- Mô tả khu vực trồng, thu mua <i>(bao gồm khu vực sản xuất, khu vực thu mua, diện tích, sản lượng tương ứng và khả năng truy xuất nguồn gốc):</i>- Đặc điểm về các chỉ tiêu cảm quan, vật lý:- Đặc điểm về chỉ tiêu hóa học: <p>1.2. Cà phê hạt rang:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm về các chỉ tiêu cảm quan, vật lý:- Đặc điểm về chỉ tiêu hóa học:- Mô tả các loại nguyên liệu, nguồn gốc và tỷ lệ sử dụng: <p>1.3. cà phê bột</p> <ul style="list-style-type: none">- Đặc điểm về các chỉ tiêu cảm quan, vật lý:- Đặc điểm về chỉ tiêu hóa học:- Mô tả các loại nguyên liệu, nguồn gốc và tỷ lệ sử dụng: <p>2. Phương án sử dụng bao bì, nhãn mác:</p>	

<p>④ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO <i>Tài liệu tối thiểu:</i></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm trang x 02 bản</p> <p><input type="checkbox"/> Báo cáo tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân đăng ký với quy định tại Điều 4, 5, 6, 7 và Điều 8 của Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”.</p> <p><input type="checkbox"/> Phiếu phân tích đặc tính các sản phẩm cà phê đăng ký sử dụng</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao giấy tờ sản xuất, kinh doanh cà phê:</p> <p><input type="checkbox"/> Giấy phép kinh doanh (<i>đối với tổ chức</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (<i>nếu có</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Quyết định giao đất trồng cà phê (<i>nếu có</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Danh sách nông hộ liên kết sản xuất (<i>đối với tổ chức</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Hợp đồng mua cà phê nhân (<i>bắt buộc với đơn vị chế biến</i>)</p> <p><input type="checkbox"/> Các giấy tờ hợp pháp khác</p> <p><input type="checkbox"/> Thuyết minh công nghệ sử dụng (<i>nếu có</i>)</p> <p>Tài liệu khác:</p> <p><input type="checkbox"/> Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu</p> <p><input type="checkbox"/> Giấy ủy quyền</p> <p><input type="checkbox"/> Các Giấy tờ liên quan khác:</p>	<p>KIỂM TRA DANH MỤC</p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p>Cán bộ nhận hồ sơ (<i>ký và ghi rõ họ tên</i>)</p>
<p align="center">PHẦN MÔ TẢ YÊU CẦU SỬA ĐỔI, CẤP LẠI, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN</p> <p>1. Số giấy chứng nhận đã cấp:</p> <p>2. Nội dung yêu cầu sửa đổi, cấp lại giấy chứng nhận:</p>	
<p>④ CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO</p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm trang x 02 bản</p> <p>Tài liệu khác</p> <p><input type="checkbox"/> Bản photo giấy chứng nhận đã cấp</p> <p><input type="checkbox"/> Mẫu nhãn, bao bì... sửa đổi</p> <p><input type="checkbox"/> Mô tả các nội dung thay đổi khác</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu bổ trợ khác (nếu có)</p>	<p>KIỂM TRA DANH MỤC</p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p>
<p>⑤ CAM KẾT CỦA CHỦ ĐĂNG KÝ</p> <p>Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê, chúng tôi cam kết sau:</p> <p>1) Chấp hành nghiêm túc Quy chế quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”, do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai ban hành và các quy định pháp luật khác;</p> <p>2) Phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”;</p> <p>3) Không thực hiện các hành vi làm giảm chất lượng và thay đổi tính chất đặc thù của cà phê “Gia Lai”;</p> <p>4) Có biện pháp kiểm soát chặt chẽ trong nội bộ để đảm bảo chất lượng sản phẩm cà phê mang chỉ dẫn địa lý “Gia Lai” của cơ sở tôi (chúng tôi), góp phần gìn giữ và phát triển danh tiếng, giá trị, hình ảnh thương hiệu cho cà phê “Gia Lai”;</p> <p>5) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan chức năng tham gia giám sát,</p>	

kiểm tra và phê có chứng nhận chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”.

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:ngày.....tháng.....năm....
Chữ ký, họ tên của đại diện tổ chức, cá nhân
(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Phụ lục 6. Bản kê khai hiện trạng sản xuất, chế biến và kinh doanh**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI HIỆN TRẠNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM SỬ DỤNG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ CÀ PHÊ “GIA LAI”

Họ và tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....Fax:

Email:

1. Chung loại sản phẩm đăng ký chỉ dẫn địa lý Cà phê nhân Cà phê hạt rang Cà phê bột**2. Phương thức thu mua nguyên liệu**

a. Hình thức thu mua cà phê nguyên liệu

 Hợp đồng với HTX, tổ chức tập thể của người trồng cà phê Hợp đồng với công ty/thương lái thu mua Thu mua tự do, không theo hợp đồng

b. Nguồn thu mua cà phê nguyên liệu

 Trong huyện Trong tỉnh Ngoài tỉnh Nhập khẩu**3. Điều kiện sản xuất****3.1 Đối với cơ sở sản xuất cà phê nhân**

1) Địa bàn sản xuất (đối với tổ chức có trồng cà phê):

2) Địa điểm chế biến:

3) Sản lượng sản phẩm dự kiến (tấn/năm).....

4) Sản lượng dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”:

.....

5) Chung loại sản phẩm:.....

6) Thị trường tiêu thụ (dự kiến).....

7) Số tháng hoạt động trong năm.....tháng

8) Các công đoạn thực hiện tại cơ sở:

 Trồng cà phê Bóc vỏ, sơ chế Phân loại cà phê thóc Xay sát Phân loại cà phê nhân Đóng gói Gắn nhãn, mác Xuất khẩu trực tiếp Xuất khẩu ủy thác Khác.....

9. Công nghệ sử dụng: (Cơ sở mô tả công nghệ sử dụng chủ yếu trong sản xuất cà phê nhân: Phương pháp chế biến (khô/ướt), sấy, bóc vỏ, phân loại, đóng gói...kèm thuyết minh công nghệ sử dụng, nếu có)

10. Mẫu bao bì, tem, nhãn hàng hóa sử dụng: (hình ảnh các mẫu bao bì, nhãn mác được sử dụng của doanh nghiệp, cơ sở)

3.2 Đối với cơ sở sản xuất rang xay cà phê

- 1) Địa bàn sản xuất (đối với tổ chức có trồng cà phê):
- 2) Địa điểm chế biến:
- 3) Sản lượng sản phẩm dự kiến (tấn/năm).....
- 4) Sản lượng dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý cà phê “Gia Lai”:
.....
- 5) Chung loại sản phẩm:
- 6) Thị trường tiêu thụ (dự kiến).....
- 7) Số tháng hoạt động trong năm.....tháng
- 8) Các công đoạn thực hiện tại cơ sở:

<input type="checkbox"/> Trồng cà phê	<input type="checkbox"/> Bóc vỏ, sơ chế	<input type="checkbox"/> Phân loại cà phê thóc
<input type="checkbox"/> Xay sát	<input type="checkbox"/> Phân loại cà phê nhân	<input type="checkbox"/> Rang xay cà phê
<input type="checkbox"/> Gắn nhãn, mác	<input type="checkbox"/> Xuất khẩu trực tiếp	<input type="checkbox"/> Xuất khẩu ủy thác
<input type="checkbox"/> Bán trực tiếp cà phê hạt rang, cà phê bột ra thị trường		
<input type="checkbox"/>		

 Khác.....

9) Công nghệ đang sử dụng:

Cơ sở mô tả công nghệ sử dụng chủ yếu trong xử lý nguyên liệu, rang xay, đóng gói và các tiêu chuẩn chất lượng áp dụng tại cơ sở/doanh nghiệp đối với sản phẩm rang xay.

10)Mẫu bao bì, tem, nhãn hàng hóa sử dụng: (hình ảnh các mẫu bao bì, nhãn mác được sử dụng của doanh nghiệp, cơ sở)

4. Thực trạng thương mại sản phẩm

4.1. Liệt kê chủng loại sản phẩm của cơ sở đang sản xuất (loại sản phẩm: các loại cà phê nhân, các loại cà phê rang, các loại cà phê bột,)

Loại sản phẩm	Tên chủng loại sản phẩm	Hình thức bao gói
Cà phê nhân		
Cà phê rang		
Cà phê bột		
Khác (nếu có)		

4.2. Hình thức bán sản phẩm của cơ sở, doanh nghiệp:

- Xuất khẩu, Sản lượng trung bình..... Tấn/năm; tỷ lệ%
- Bán buôn , Sản lượng trung bình..... Tấn/năm; tỷ lệ%
- Bán lẻ, Sản lượng trung bình..... Tấn/năm; tỷ lệ%

4.3. Văn phòng đại diện/cửa hàng, đại lý:

TT	Tên Cửa hàng /đại lý /Văn phòng đại diện /chi nhánh	Họ và tên người quản lý	Địa chỉ/điện thoại	Tổng lượng sản phẩm	Quy cách đóng gói
1					
2					
3					
4					

5. Hệ thống truy xuất nguồn gốc

Hồ sơ ghi chép hệ thống truy xuất nguồn gốc của cơ sở đang thực hiện theo:

- 4C UTZ
 HACCP ISO.....
 Tiêu chuẩn quốc tế khác (ghi rõ: Fairtrade, Rainforest Alliance):.....
 Tự cơ sở xây dựng (mô tả):

6. Phương án sử dụng tem, nhãn, bao bì chỉ dẫn địa lý (nếu đăng ký tem, nhãn, bao bì chung)

- a. Sản lượng cà phê nhân dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý một năm:.....kg
b. Số lượng tem, nhãn, bao bì dự kiến sử dụng cho cà phê nhân một năm.....chiếc
c. Sản lượng cà phê rang dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý một năm:.....kg
d. Số lượng tem, nhãn, bao bì dự kiến sử dụng cho cà phê rang một năm.....chiếc
e. Sản lượng cà phê bột dự kiến sử dụng chỉ dẫn địa lý một năm:.....kg
f. Số lượng tem, nhãn, bao bì dự kiến sử dụng cho cà phê bột một năm.....chiếc

Khai tại:..... ngày..... tháng.....năm

*Chữ ký, họ tên của đại diện tổ chức, cá nhân
(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

Phụ lục 7. Mẫu tờ khai đề nghị sửa đổi bổ sung thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng Chỉ dẫn địa lý “Gia Lai”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG
CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “GIA LAI” CHO SẢN PHẨM CÀ PHÊ CỦA TỈNH GIA LAI

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai

Tên tổ chức, cá nhân:

Họ và tên người đại diện (nếu là tổ chức):.....

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax :.....

ĐỀ NGHỊ
Về việc:

- Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận
- Gia hạn Giấy chứng nhận
- Cấp lại Giấy chứng nhận

Lý do:

- Thay đổi tên và địa chỉ của Tổ chức, cá nhân đã ghi trên Giấy chứng nhận.
- Thay đổi chủng loại sản phẩm
- Giấy chứng nhận bị mờ, hoen ố, rách nát.
- Giấy chứng nhận bị mất, thất lạc.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận hết thời hạn hiệu lực.

Nội dung thay đổi:

- Thay đổi tên và địa chỉ của Tổ chức, cá nhân đã ghi trên Giấy chứng nhận

Tên cũ	Tên mới	Ghi chú

Địa chỉ cũ	Địa chỉ mới	Ghi chú

Tài liệu kèm theo:

- Tờ khai, gồm trang x 02 bản
- Bảng kê khai hiện trạng sản xuất, chế biến và kinh doanh sản phẩm sử dụng chỉ

dẫn địa lý.

- Bản kê khai hiện trạng diện tích sản xuất sản phẩm cà phê của chính quyền địa phương (nếu là cá nhân).
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sản phẩm cà phê hoặc giấy chứng nhận thành lập (nếu là tổ chức).
- Bản sao Giấy chứng nhận công bố tiêu chuẩn sản phẩm (nếu có)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có)
- Danh sách nông hộ liên kết sản xuất (nếu có)
- Hợp đồng mua bán (bắt buộc với đơn vị tiêu thụ sản phẩm)
- Thuyết minh công nghệ sử dụng (nếu có)

Tôi/chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên là chính xác, nếu sai tôi/chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Xác nhận của chính quyền địa phương
(trong trường hợp bị mất hoặc thất lạc
giấy chứng nhận)

Đại diện tổ chức/cá nhân làm đơn
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục 8. Dấu hiệu nhận diện chất lượng cà phê “Gia Lai” được bảo hộ chỉ dẫn địa lý

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

“Gia Lai”, ngày tháng.... năm.....

**DẤU HIỆU NHẬN DIỆN CHẤT LƯỢNG
CÀ PHÊ GIA LAI ĐƯỢC BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ**

(Theo Quyết định số 5372/QĐ-SHTT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận CDDL “Gia Lai” cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai)

I. ĐẶC THÙ HÌNH THÁI, CẢM QUAN CÀ PHÊ “GIA LAI” MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

1. Cà phê nhân: Màu xám lục; xám xanh; xanh ngọc; Mùi thơm thoảng nhẹ, lưu hương lâu (giống mùi đậu phộng tươi); Vị ngậy, hơi béo, không đắng, ngọt có hậu.

2. Cà phê hạt rang: Màu nâu tươi bóng ướt; Mùi thơm lừng, lan toả mạnh, lưu hương lâu.

3. Cà phê bột: Trạng thái bột mịn, tơi xốp; Màu nâu đỏ; Màu nước chiết nâu cánh gián đậm; Mùi Thơm lừng lan toả mạnh, lưu hương lâu; Vị đắng đậm đà đặc trưng, hơi chát, hậu vị ngọt lâu nơi cổ họng.

II. ĐẶC THÙ CHẤT LƯỢNG LÝ, HOÁ CỦA SẢN PHẨM CÀ PHÊ GIA LAI MANG CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

T T	Chỉ tiêu	Loại sản phẩm cà phê Gia Lai		
		<i>Cà phê nhân</i>	<i>Cà phê hạt rang</i>	<i>Cà phê bột</i>
1	Chiều dài hạt (mm)	8,05 - 9,41	9,87 - 11,85	-
2	Chiều rộng hạt (mm)	5,77 - 6,62	6,84 - 7,82	-
3	Tỷ lệ hạt khuyết tật (%)	1,28 - 1,89	2,50 - 5,00	-
4	Độ ẩm (%)	5,57 - 11,94	0,95 - 2,10	0,87 - 2,23
5	Hàm lượng cafein (%)	1,98 - 2,60	2,00 - 2,56	2,02 - 2,57
6	Hàm lượng protein thô (%)	-	8,45 - 10,15	8,46 - 10,15

**SỞ KH&CN TỈNH GIA LAI
GIÁM ĐỐC
(đã ký)**